Vikki Digital Bank Securities

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

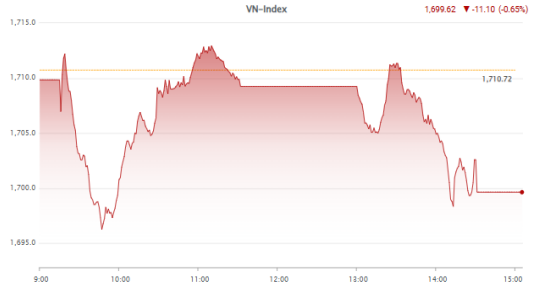
Thứ Ba, 03 Tháng Mười Một 2026

Dữ liệu thị trường ngày 03/11/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.699,62	251,42
Thay đổi (điểm)	-11,1	0,87
Thay đổi (%)	-0,65	0,35
KLGD (triệu cp)	624	37
GTGD (tỷ đồng)	12.940	514

NĐT nước ngoài giao dịch ròng		
HOSE	-501,88	*(tỷ đồng)*
HNX	7,14	*(tỷ đồng)*
UPCOM	-2,53	*(tỷ đồng)*

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

HPG, STB, HVN, CTG,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VIC, BSR, GAS, VPB,...

ÁP LỰC TỪ MÃ TRỤ VIC KÉO VN-INDEX LÙI DƯỚI MỐC 1.700 ĐIỂM

Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 03/11 ghi nhận sự phân hóa rõ nét khi chỉ số VN-Index chịu mức giảm phần lớn xuất phát từ đà lao dốc đơn độc của mã trụ VIC (-12,59 điểm). Dù thanh khoản khớp lệnh suy giảm đáng kể so với phiên trước, độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với 349 mã tăng giá so với 302 mã giảm. Bên cạnh Bất động sản (-2,17%), ngành Năng lượng (-1,63%) cũng ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường khi BSR (-2,95%), PVD (-1,41%) điều chỉnh giảm. Trong bối cảnh đó. Nguyên vật liệu (+1,96%) là điểm sáng lớn nhất thị trường nhờ đà tăng của HPG (+4,17%), GVR (+1,72%), MSR (+1,87%). Sau phiên hạ nhiệt sâu, Công nghệ thông tin (+0,3%) ghi nhận tín hiệu phục hồi nhẹ nhờ mã trụ FPT (+0,4%) đã lấy lại sắc xanh. Dòng tiền hoạt động tích cực trở lại ở ngành Tài chính và Công nghiệp khi hiệu suất cùng ghi nhận mức tăng 0,11%, tiêu biểu là các mã STB (+2,3%), MBB (+0,8%), SSI (+1,59%), ACV (+0,26%). Kết phiên, VN-Index giảm 11,1 điểm (-0,65%) và đóng cửa ở mức 1.699,62 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường đạt 12.940 tỷ đồng, giảm 30,35% so với phiên hôm qua, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Khối ngoại duy trì bán ròng với tổng giá trị đạt 497,26 tỷ đồng, tập trung bán mạnh các mã MBB (255 tỷ đồng), VCB (219 tỷ đồng), VIC (114 tỷ đồng). Trái lại, các mã được mua vào mạnh nhất là HPG (227 tỷ đồng), SHB (125 tỷ đồng), VHM (119 tỷ đồng).

Thị trường đang có xu hướng vận động theo kịch bản thận trọng đã được đề cập trong **Chiến lược giao dịch tuần 45-2026** *(Chi tiết), nhà đầu tư có thể tham khảo* để lên phương án giao dịch cho phù hợp.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, DGW, VPB, GMD, MBB, DXP.



Danh sách khuyến nghị tháng 10.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	82.000	70.000
CTG	32.500	28.000
DHC	42.000	36.700
DGW	52.500	44.500
VPB	25.500	21.800
GMD	85.000	74.000
MBB	21.000	18.000
DXP	16.000	13.800

Danh sách công bố ngày 05/10/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
CTD	25/09/2026	≈ 58.500	≈62.000 – 68.000	< 51.000	67.000	23/10/2026	+14,53%	Chốt lời
FRT	30/09/2026	≈ 144.000	≈ 157.000 – 1720.000	< 130.000			+2,56%	Nắm giữ

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Doanh thu T8 tăng 29% YoY, tốc độ tăng cải thiện (T7: +17% YoY; T6: +20% YoY), doanh thu/cửa hàng tăng 30% YoY, với các mảng điện thoại và laptop tích cực, lũy kế 8T.2026 tăng 29% YoY. Mảng BHX, Doanh thu T8 tăng 11% MoM và tăng 55% YoY, lũy kế 8T2026 tăng 32% YoY, mở ròng 1.053 cửa hàng trong 8T26 và đạt 3.612 cửa hàng.	05/10/2026	74.400	82.000	70.000	10,2%
CTG	- Tăng trưởng tín dụng cuối T7 đạt 5,6% YTD, Q3 kỳ vọng 7%. CTG tăng trưởng tín dụng chọn lọc, tập trung cho sản xuất, kinh doanh, cùng với hiệu quả kiểm soát chi phí, NIM đã cải thiện quý thứ 4 liên tiếp, định giá rẻ với P/b 1,1 và ROE >20%.	05/10/2026	29.650	32.500	28.000	9,6%
DHC	- KQKD Q3 tích cực, được hỗ trợ bởi giá bình quân tăng 12%, bù đắp giá OCC đầu vào có thể chịu sức ép những tháng cuối năm nhu cầu cao. Tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong nước tiếp tục hỗ trợ cho giá giấy bao bì, trong tháng 7, sản xuất trong nước đạt 586,7 nghìn tấn trong khi tiêu dùng 681,5 nghìn tấn.	05/10/2026	38.550	42.000	36.700	8,9%
DGW	- Sơ bộ Q3.2026, doanh thu đạt 10.757 tỷ đồng, tăng 46%, cao nhất lịch sử; doanh thu 9 tháng đạt hơn 26.500 tỷ đồng, tăng 42%. Office Equipment tăng 101%, Mobile Phone tăng 42%, Laptop & Tablet hơn 20%, Consumer Goods 32%, Industrial Supply đạt 330 tỷ đồng, tăng 146%, nhờ bổ sung dầu nhờn Shell.	05/10/2026	47.400	52.500	44.500	10,8%
VPB	- Ngày 24/9 VPB đã chia cổ tức với tỷ lệ 100:26, kỳ vọng cột mốc kế tiếp là hoạt động phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược diễn ra đầu 2027. Tăng trưởng tín dụng được dẫn dắt bởi cho vay chủ đầu tư bất động sản, trong khi huy động được hỗ trợ bởi các khoản huy động từ quốc tế. Môi trường lãi suất cao là yếu tố rủi ro cần theo dõi liên quan chất lượng tài sản.	05/10/2026	23.000	25.500	21.800	10,9%
GMD	- Sản lượng Nam Đình Vũ trong Q2 đạt 342k teus, tăng 4% so với quý trước và giảm 12% so với cùng kỳ, kỳ vọng quý 3 tiếp tục cải thiện với mức tăng 5% so với Q3, trong khi Gemalink tiếp tục hoạt động hiệu quả 600k teus và tăng 4% so với quý 2. Lợi nhuận Q3 khoảng 750 tỷ, tăng 73% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh so với Q2 do không có khoản lãi bất thường.	05/10/2026	77.800	85.000	74.000	9,3%
MBB	- Tăng trưởng tín dụng Q3 ước tính 20% YTD, mảng bất động sản tiếp tục dẫn dắt. Áp lực huy động gia tăng đáng kể về các tháng cuối năm, có thể khiến NIM thu hẹp.	05/10/2026	19.150	21.000	18.000	9,7%
DXP	- KQKD Q2 với doanh thu tăng 22% QoQ và 31% YoY nhờ vào (1) giá nhựa đường tăng 15-20% QoQ, (2) sản lượng thông qua cảng +13% QoQ, và (3) doanh thu từ vận tải. Bước sang Q3, tất cả các trụ cột của DXP đều duy trì sự tích cực.	05/10/2026	14.500	16.000	13.800	10,3%

***Danh mục T10.2026* so với *T09.2026*, chúng tôi loại BMP và SSI, trong khi thêm mới DXP và DGW, giữ nguyên MWG, CTG, DHC, MBB, VPB, GMD.** *Thị Trong giai đoạn từ 4/9 đến hết phiên 5/10, VNIndex giảm gần 5,4%, khối ngoại cũng bắt đầu bán ròng mạnh hơn về dần cuối tháng, và chúng tôi cũng cơ cấu lại danh mục trong một tháng có nhiều sự kiện. Chúng tôi loại SSI do nhận thấy thanh khoản thị trường xuống thấp và dự báo tháng 10 còn nhiều biến động. Loại BMP do diễn biến giá cổ phiếu đi ngang khá lâu, giá hạt nhựa PVC quý 3 cao hơn cũng cần thận trọng để theo dõi kết quả Q3, dù bảng cân đối BMP lành mạnh. Thêm mới DGW, đây là cổ phiếu đã từng xuất hiện ở Danh mục tháng 6, kết quả sơ bộ Q3 mạnh mẽ với doanh thu tăng 46% YoY nhờ sự đóng góp của hầu hết các mảng phân phối chính, DGW cũng kì vọng quý 4 tiếp tục khả quan nhờ nhu cầu mua sắm cuối năm và xu hướng đầu tư vào AI, trung tâm dữ liệu; ngoài ra, vào đầu tháng 9, Cty TNHH Creatted Future có liên quan đến ông Đoàn Hồng Việt đã hoàn tất mua 2 triệu cp DGW, đây là lần đầu tiên trong 10 năm qua nhóm cổ đông lớn liên quan đến lãnh đạo đăng ký mua với lượng lớn, và khối ngoại mua ròng 309 tỷ trong Tháng 9. Thêm mới DXP, cty kinh doanh ở 3 mảng đang trên đà tăng tốc, Mảng Nhựa đường với việc giá nhựa đường duy trì mức cao trong Q3 nhờ nhu cầu xây dựng hạ tầng, và chúng tôi nhận thấy trên BCTC Q2 xuất hiện khoản mục Trả trước cho người bán Q2 gần 82 tỷ so với 7 tỷ vào đầu năm mà chúng tôi cho là khoản tiền đặt cọc để mua nhựa đường thô từ Tratimex; Mảng Cảng biển với việc DXP đang nắm thị phần dẫn đầu về cảng hàng rời nội địa và XNK, việc chuyển dần sang hàng rời XNK giúp tăng biên lợi nhuận; Mảng vận tải với đóng góp của 2 tàu 14.000 DWT khai thác vào tháng 10.2025 và 04.2026, kỳ vọng kết quả kinh doanh Q3.2026 gấp 2,2-2,5 lần Q3 cùng kỳ do sản lượng tháng 7 và 8 cảng biển tăng mạnh. Nhóm ngân với các cổ phiếu VPB, MBB và CTG hưởng lợi chung từ việc thay đổi LDR từ 85% lên mức 95%. Đối với CTG sau thời gian dài giảm giá, vùng định giá cho thấy phù hợp với nhà đầu tư dài hạn nhiều hơn, mức định giá và hiệu suất ROE tốt nhất nhóm ngân hàng quốc doanh. Đối với VPB và MBB, room tín dụng cao hơn và việc nhu cầu vốn cho hạ tầng, xây dựng, các chủ đầu tư bất động sản tiếp tục giúp các ngân hàng tăng trưởng cho vay, tuy nhiên cần theo dõi chất lượng tài sản, VPB với cổ đông chiến lược và bán vốn cho nước ngoài là chất xúc tác trong dài hạn, trong khi MBB với hệ sinh thái gần 40 triệu khách hàng trên nền tảng số giúp gia tăng dư địa trong việc bán chéo nhiều sản phẩm trong tương lai. Sau báo cáo của GSO VN về GDP quý 3, với sự tăng trưởng bứt phá về Công nghiệp, Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh với tháng 9 trở lại thặng dư thương mại, và giải ngân đầu tư công T9 tăng 31,5% YoY-cao nhất kể từ đầu năm, chúng tôi lựa chọn danh mục với các cổ phiếu thuộc nhóm cảng biển, bán lẻ, giấy để tận dụng xu hướng này, đồng thời ưu tiên với những cổ phiếu có kết quả kinh doanh quý 3 khả quan và khả năng duy trì tăng trưởng tích cực sang Q4. Như đã đề cập ở Danh mục tháng 9, chúng tôi cho rằng tháng 10 tiếp tục là tháng biến động, khi ở bên ngoài là cuộc bầu cử giữa kỳ của Mỹ vào 03/11, và trong nước là VN bước vào kỳ họp Quốc hội. Thống kê cũng cho thấy Vnindex tháng 10 là một trong các tháng biến động nhất trong năm, nhưng cũng đồng thời mở ra cơ hội cho nhịp tăng mới kéo dài từ cuối năm này sang đầu năm tới. Vì vậy chúng tôi cho rằng cơ cấu danh mục hợp lý, quản trị rủi ro cho các kịch bản biến động, đồng thời tận dụng nhịp giảm sâu là cơ hội.*

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Tình hình kinh tế tháng 10 và 10 tháng năm 2026.

Sản xuất và giá cả. IIP tháng 10 tăng 2,3% MoM và 15,0% YoY; lũy kế 10 tháng tăng 12,4%, cao nhất cùng kỳ giai đoạn 2019–2026. CPI tháng 10 tăng 0,20% MoM và 5,09% YoY; bình quân 10 tháng tăng 4,57%, lạm phát cơ bản tăng 4,24%.

Tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ tháng 10 đạt 695,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,0% MoM và 14,7% YoY. Lũy kế 10 tháng đạt 6.618,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% (loại trừ giá tăng 7,7%).

Xuất nhập khẩu. Tháng 10, xuất khẩu đạt 64,67 tỷ USD (MoM +8,7%, YoY +51,4%), nhập khẩu 57,36 tỷ USD (MoM -1,4%, YoY +43,1%), xuất siêu 7,31 tỷ USD. Lũy kế 10 tháng, tổng kim ngạch đạt 1.010,55 tỷ USD (+32,3%), lần đầu vượt 1.000 tỷ USD. Xuất khẩu đạt 499,24 tỷ USD (+27,5%), nhập khẩu 511,31 tỷ USD (+37,4%), nhập siêu 12,07 tỷ USD, thu hẹp so với 19,42 tỷ USD của 9 tháng. Các mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh gồm điện tử, máy tính 149,41 tỷ USD (+71,0%), máy móc thiết bị 63,27 tỷ USD (+30,4%) và điện thoại 57,61 tỷ USD (+18,4%). Gạo giảm 8,8% và cà phê giảm 5,2%.

Đầu tư công. Giải ngân vốn ngân sách tháng 10 đạt 121,6 nghìn tỷ đồng (MoM +6,4%, YoY +23,7%). Lũy kế 10 tháng đạt 783,9 nghìn tỷ đồng, bằng 69,0% kế hoạch, tăng 19,8% YoY.

Ngân sách. Thu 10 tháng đạt 2.438,9 nghìn tỷ đồng (96,4% dự toán, +11,0%). Chi đạt 2.108,7 nghìn tỷ đồng (66,8% dự toán, +14,8%), trong đó chi đầu tư phát triển tăng 49,7%.

FDI. Vốn đăng ký đạt 54,85 tỷ USD, tăng 74,0% YoY và cao nhất từ năm 2009; riêng tháng 10 thêm khoảng 4,49 tỷ USD so với lũy kế 9 tháng. Vốn thực hiện đạt 24,08 tỷ USD (+13,1%).

Nhận xét: Dữ liệu cho thấy nền kinh tế tiếp tục tăng tốc trong tháng 10, với các trụ cột dẫn dắt tăng trưởng tiếp tục ghi nhận tích cực bao gồm Sản xuất công nghiệp, Đầu tư công, thu hút và giải ngân FDI. Trong khi đó, thương mại ghi nhận mức thặng dư tăng trưởng mạnh, điều này sẽ đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng GDP quý 4. Chỉ số CPI bình quân 10 tháng đạt 4,57% cao hơn so với mục tiêu 4,5%, tuy nhiên việc giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu và giảm giá điện kỳ vọng sẽ giúp hạ nhiệt CPI trong 2 tháng cuối năm, và là sự hỗ trợ cần thiết góp phần gia tăng sức mua, tiêu dùng trong những tháng cao điểm cuối năm.

MSB: Ngày 28/10/2026, NHNN chấp thuận cho MSB tăng vốn điều lệ từ 37.440 tỷ đồng lên tối đa 46.800 tỷ đồng thông qua chào bán 936 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:25, giá 10.000 đồng/cp. Tổng giá trị phát hành đạt 9.360 tỷ đồng, dự kiến triển khai trong quý IV/2026. Đây là đợt tăng vốn thứ hai trong năm, sau khi MSB đã tăng vốn từ 31.200 tỷ đồng lên 37.440 tỷ đồng thông qua chia cổ phiếu thưởng. Nếu hoàn tất, số cổ phiếu lưu hành đạt 4,68 tỷ đơn vị. Nguồn vốn bổ sung nhằm củng cố năng lực tài chính và mở rộng cho vay khách hàng cá nhân, doanh nghiệp.

VCB: NHNN chấp thuận cho Vietcombank (VCB) tăng vốn điều lệ tối đa 5.431 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ khoảng 543,1 triệu cổ phiếu, tương đương 6,5% lượng cổ phiếu lưu hành, cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Nếu hoàn tất, vốn điều lệ tăng từ 83.557 tỷ đồng lên 88.988 tỷ đồng; Mizuho dự kiến tham gia, mục tiêu hoàn thành trong năm 2026. Ngoài ra, VCB còn kế hoạch phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để tăng vốn thêm khoảng 10.700 tỷ đồng. Q3/2026, lợi nhuận trước thuế đạt 11.218 tỷ đồng, đi ngang YoY do chi phí dự phòng tăng gần 8 lần. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 40.440 tỷ đồng (+22% YoY), dẫn đầu ngành ngân hàng.

NTP: Nhựa Tiền Phong (NTP) dự kiến tạm ứng cổ tức năm 2026 bằng tiền mặt tỷ lệ 50% (5.000 đồng/cp), tương ứng tổng chi khoảng 1.026 tỷ đồng cho hơn 205,2 triệu cổ phiếu lưu hành. SCIC dự kiến nhận 381 tỷ đồng, Sekisui Chemical nhận 154 tỷ đồng và Nhựa Tiền Phong phía Nam nhận 112 tỷ đồng. Ngày 12/11 là ngày đăng ký cuối cùng lấy ý kiến cổ đông về phương án cổ tức và chủ trương chuyển đổi khu đất số 2 An Đà, Hải Phòng từ dự án giáo dục sang nhà ở thương mại. Q3/2026, doanh thu thuần đạt 2.106 tỷ đồng (+31% YoY), LNST đạt 289 tỷ đồng (+12,4% YoY).

BMP: Nhựa Bình Minh (BMP) dự kiến tạm ứng cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền mặt tỷ lệ 65% (6.500 đồng/cp), tương ứng tổng chi khoảng 532 tỷ đồng cho 81,86 triệu cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng là 12/11, ngày thanh toán dự kiến 8/12. Mức cổ tức này vượt kế hoạch tối thiểu 50% đã thông qua tại ĐHCĐ. Về KQKD, Q3/2026, doanh thu đạt 1.463 tỷ đồng (-4,5% YoY), LNST đạt 319 tỷ đồng (-8,9% YoY). Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 4.240 tỷ đồng (+0,4% YoY), LNST đạt 990,5 tỷ đồng (+2,4% YoY), hoàn thành khoảng 77,5% kế hoạch lợi nhuận năm.

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2026

Sản xuất công nghiệp



Tháng 10/2026	10 tháng 2026
+15,0% YoY (T.+9: +14,2%)	+12,4% (cao nhất 2019–2026)

Ngành chế biến, chế tạo: +15,7% YoY
Ô tô: 54,1 nghìn chiếc (+33,2% YoY) | Xe máy: +16,1% YoY

CPI

Tháng 10/2026	Bình quân 10 tháng
+0,20% MoM +5,09% YoY	+4,57%

Lạm phát cơ bản: +4,24%
Giá vàng: +37,28% (bình quân 10T)

Bán lẻ và tiêu dùng

Tháng 10/2026	10 tháng 2026
695,5 nghìn tỷ đồng +1,0% MoM | +14,7% YoY	6.618,9 nghìn tỷ đồng +13,5% YoY

Bán lẻ hàng hóa: +13,7% YoY
Dịch vụ lưu trú, ăn uống: +19,5% YoY

Xuất nhập khẩu

Tháng 10/2026	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất siêu
122,03 tỷ USD +47,4% YoY	64,67 tỷ USD +51,4% YoY	57,36 tỷ USD +43,1% YoY	7,31 tỷ USD

10 tháng: 1.010,55 tỷ USD (+32,3%), lần đầu vượt 1.000 tỷ USD

Đầu tư công

Tháng 10/2026	10 tháng 2026
121,6 nghìn tỷ đồng +23,7% YoY	783,9 nghìn tỷ đồng = 69,0% KH

Vốn TƯ: +5,6% YoY
Vốn địa phương: +22,6% YoY

Thu chi ngân sách

Tổng thu 10 tháng	Tổng chi 10 tháng
2.438,9 nghìn tỷ đồng = 96,4% dự toán (+11,0% YoY)	2.108,7 nghìn tỷ đồng = 66,8% dự toán (+14,8% YoY)

FDI

Vốn đăng ký đến 31/10/2026	Vốn thực hiện
54,85 tỷ USD +74,0% YoY (cao nhất từ năm 2009)	24,08 tỷ USD +13,1% YoY

Khách quốc tế



Tháng 10/2026	10 tháng 2026
1,85 triệu lượt +7,0% YoY	19,5 triệu lượt +13,8% YoY

Khách Trung Quốc: -0,2% YoY | Khách Hàn Quốc: -13,7% YoY

Một số điểm nhấn nổi bật

- Sản xuất công nghiệp tăng trưởng mạnh (+15,0% YoY), dẫn dắt bởi ngành chế biến, chế tạo
- Xuất nhập khẩu lập kỷ lục mới, đạt 1.010,55 tỷ USD trong 10 tháng
- Đầu tư công và FDI tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam 10 tháng 2026 tiếp tục đà tăng trưởng tích cực với động lực từ sản xuất, xuất nhập khẩu và đầu tư công.

Vikki Securities
Cùng bạn kiến tạo giá trị bền vững

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1+2+3.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINIDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINIDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINIDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4+5+6.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINIDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 - 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 *(*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINIDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINIDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 - 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7+8+9.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026 *(*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINIDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4.15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		

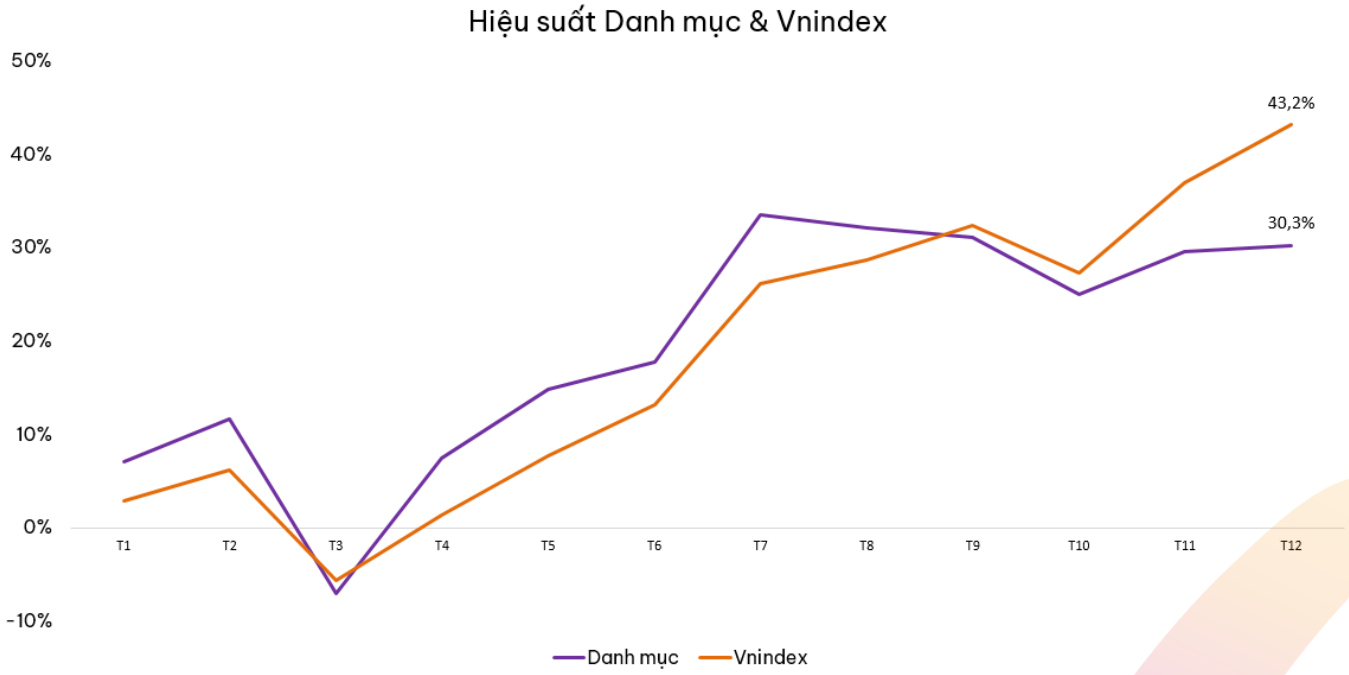
Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026 *(*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900
SSI*	**10/08/2026**	**25.100**	**04/09/2026**	**21.050**	**4,42%**	**19.400-21.750**
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300
MBB*	**10/08/2026**	**24.250**	**04/09/2026**	**20.550**	**1,73%**	**19.850-21.200**
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900
VNINIDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/08 - 04/09					-0,32%	

Danh sách khuyến nghị tháng 09.2026 *(*) DHC và VPB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	04/09/2026	73.100	05/10/2026	74.400	1,78%	68.600-74.400
CTG	04/09/2026	31.400	05/10/2026	29.650	-5,57%	29.600-31.700
DHC	04/09/2026	35.700	05/10/2026	38.550	10,64%	34.250-39.000
SSI	**04/09/2026**	**21.050**	**05/10/2026**	**19.650**	**-6,65%**	**19.600-21.650**
VPB	04/09/2026	27.800	05/10/2026	23.000	4,24%	21.300-23.600
GMD	04/09/2026	77.400	05/10/2026	77.800	0,52%	73.500-79.200
MBB	**04/09/2026**	**20.550**	**05/10/2026**	**19.150**	**-6,81%**	**19.100-20.600**
BMP	04/09/2026	143.000	05/10/2026	142.500	-0,35%	138.000-147.600
VNINDEX	04/09/2026	1.853,1	05/10/2026	1.753,2	-5,39%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 04/09 – 05/10					-0,28%	

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt số tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

Danh sách khuyến nghị tháng 1 (13/01)
Danh sách khuyến nghị tháng 2 (07/02)
Danh sách khuyến nghị tháng 3 (07/03)
Danh sách khuyến nghị tháng 4 (09/04)
Danh sách khuyến nghị tháng 5 (07/05)
Danh sách khuyến nghị tháng 6 (06/06)
Danh sách khuyến nghị tháng 7 (07/07)
Danh sách khuyến nghị tháng 8 (08/08)
Danh sách khuyến nghị tháng 9 (08/09)
Danh sách khuyến nghị tháng 10 (07/10)
Danh sách khuyến nghị tháng 11 (07/11)
Danh sách khuyến nghị tháng 12 (08/12)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBanks cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyến cáo mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBanks và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBanks thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBanks không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBanks. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBanks. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.